Unit 18: What's your phone number?

Bài 1: Viết các số và các từ bằng tiếng anh

1		8	
2		9	
3		0	
4		Đi dã ngoại	
5		Đi bộ	
6		Đi trượt pa-tin	
7		Đi câu cá	

Bài 2: Nối

Go for	a walk
Go	a picnic
Go for	skating
Go	fishing

Bài 3: Sắp xếp thành câu đúng

1. phone / John / What's / number / ? / 's /

2. 's / . / It / 0958 273 146 (viết số bằng chữ)

3. to / for / Would / go / like / you / ? / walk / a

4. can't / I / Sorry / . /

5. to / to / you / go / like / the / Would / bakery / ? /

6. to / 'd / I / love / . /

LIVEWORKSHEETS